

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **346/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 06 - 9 - 2022

V/v Ly hôn, trA chấp về nuôi con.

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Năm.

Ông Nguyễn Trường Hận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 359/2022/TLST-HNGĐ ngày 14/6/2022 về việc “*Ly hôn, trA chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 309/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/7/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị L, sinh năm 1983.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Minh Đ, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn có mặt. Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 14/6/2022 của nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện: Vào năm 2006 bà L và ông Đ được 02 bên gia đình tổ chức đám cưới với nhau, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K vào ngày 18/11/2016 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 113/2016). Thời kỳ hôn nhân có 01 con chung tên Phạm Thái A, sinh 22/7/2008 (hiện Đ được bà L trực tiếp nuôi dạy).

Về tài sản chung và nợ chung không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Bà L xác định do ông Đ không lo làm ăn, thường xuyên rượu chè, cờ bạc và ngoại tình, dẫn đến đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã không sống chung đã hơn 01 năm nhưng không có thiện chí hàn gắn trở lại, bà L xét thấy vợ chồng không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa.

Bà L yêu cầu ly hôn với ông Đ. Về con chung yêu cầu được nuôi, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- **Đối với bị đơn:** Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần để xét xử, nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án bị đơn cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật trA chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc ly hôn, trA chấp về nuôi con và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Ly hôn, trA chấp về nuôi con*” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thủ tục:* Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] *Xét yêu cầu và ý kiến của đương sự:*

[3.1] *Về yêu cầu ly hôn:* Mỗi quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông Đ được xác lập trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên mỗi quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân nếu muốn có được hạnh phúc dài lâu và đạt được mục đích thì vợ chồng phải bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ, đồng thời phải biết thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau. Nhưng bà L và ông Đ không làm được điều đó, mà lại làm cho mỗi quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và trong quá trình tiến hành tố tụng Tòa án đã triệu tập ông Đ hai lần để tham gia hòa giải nhưng ông Đ đều không đến, đồng thời cũng không có ý kiến hay cung cấp tài liệu, chứng cứ gì phản đối với yêu cầu khởi kiện của bà L và quá trình giải quyết vụ án bà L thể hiện ý chí cương quyết ly hôn với ông Đ, nên xác định được bà L và ông Đ không còn quan tâm gì đối với mỗi quan hệ hôn nhân này và có căn cứ xác định bà L và ông Đ đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng dẫn đến các hệ lụy nêu trên, nếu tiếp tục duy trì mỗi quan hệ hôn nhân về sau thì sẽ không đảm bảo hạnh phúc và trái với các nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình hiện nay, nên cần chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông Đ là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. (Giấy chứng nhận kết hôn số: 113/2016 ngày 18/11/2016 của Ủy ban nhân dân xã K hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật).

[3.2] *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:*

- Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Hội đồng xét xử xét thấy cháu Phạm Thái A đã trên 07 tuổi, cháu có nguyện vọng được sống với bà L, và bà L không thuộc trường hợp không đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, nên giao cháu Phạm Thái A cho bà L nuôi dạy là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Ông Phạm Minh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, ông Đ có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với bà L; nếu ông Đ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Bà L không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng cho con, xét thấy đây là sự tự nguyện của bà L nên không xem xét.

[3.3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà L cho rằng tài sản chung và nợ chung không có, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Đ về vấn đề tài sản chung và nợ chung, nên không có căn cứ làm rõ phần tài sản chung và nợ chung giữa bà L và ông Đ. Do đó, cần tách phần tài sản chung và nợ chung ra, trường hợp sau này giữa các đương sự có trA chấp và có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] *Xét về án phí dân sự sơ thẩm:* Bà Vũ Thị L phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà L đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị L.

- Về hôn nhân: Cho bà Vũ Thị L ly hôn với ông Phạm Minh Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 113/2016 ngày 18/11/2016 của Ủy ban nhân dân xã K hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Giao cho bà Vũ Thị L trực tiếp nuôi dạy cháu Phạm Thái A, sinh 22/7/2008. Ông Phạm Minh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, ông Đ có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với bà L; nếu ông Đ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con thì bà L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Ông Phạm Minh Đ không phải cấp dưỡng cho con.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Vũ Thị L phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, bà Vũ Thị L đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004967 ngày 14/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã K;
- Đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Trương Huỳnh Hải